TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 102/2017/DS-PT
Ngày: 02 - 8 - 2017
V/v tranh chấp yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Th Phương Loan
Các Thẩm phán: Bà Từ Kim Phượng
Ông Chung Văn Kết

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lâm Ngọc Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Trương Minh Bạch - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2017/TLPT-DS ngày 26 tháng 5 năm 2017 về việc " Tranh chấp yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2017/DS-ST ngày 13/4/2017 của Tòa án nhân dân thành phố C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2017/QĐPT-DS ngày 15 tháng 6 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trịnh Th B- sinh năm 1955 (có mặt).
Trú tại: Khóm 1, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:*
1. Anh Nguyễn Văn Th- sinh năm 1974 (có mặt).
Trú tại: Khóm 5, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.
2. Chị Nguyễn Th Th- sinh năm 1976 (có mặt).
ĐKTT: Khóm 1, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.
Hiện tạm trú: Ấp B, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
1. Chị Nguyễn Th T- sinh năm 1979 (có mặt)
2. Anh Nguyễn Văn L - sinh năm 1986 (vắng mặt)
3. Chị Nguyễn Th M- sinh năm 1987 (vắng mặt)
4. Anh Nguyễn Văn T - sinh năm 1989 (vắng mặt)
Cùng trú tại: Khóm 1, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn là bà Trịnh Th B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Trịnh Th B trình bày: Trước khi bà về chung sống với ông Nguyễn Văn L, ông L đã có vợ tên Phạm Ngọc Th và có 02 người con chung là Nguyễn Văn Th và Nguyễn Th Th. Bà Th mất năm 1977. Cũng vào năm 1977 bà về chung sống với ông Nguyễn Văn L, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống bà và ông L có 04 người con chung: Nguyễn Th T, Nguyễn Th L, Nguyễn Th M, Nguyễn Văn T . Ông L mất ngày 26/4/2013 âl không để lại di chúc. Khối tài sản ông L để lại gồm có: 25.520m^2 đất đã được Ủy ban nhân dân Th xã Cà Mau cấp cho ông Nguyễn Văn L vào ngày 23/01/1998 và 10 công đất tầm lớn, tọa lạc tại khóm 5, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau, theo diện tích đo đạc thực tế là 16.838,7 m^2 , chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần đất này có nguồn gốc đất do bà và ông L khai phá vào năm 1980 và các tài sản khác. Đối với phần đất này bà trực tiếp quản lý sử dụng 8.419 m^2, phần còn lại ông L cho Nguyễn Văn Th mượn từ năm 2007 cho đến nay. Việc ông L cho anh Th mượn đất để canh tác không có làm giấy tờ gì, cũng không ai chứng kiến việc này. Nay bà B yêu cầu Tòa án chia 8.419 m^2 đất nằm trong tổng diện tích 16.838,7 m^2 đất hiện nay do bà B đang quản lý cho bà B , vì phần đất này là tài sản chung của bà và ông L khai phá. Đối với 8.419 m^2 đất còn lại mà anh Th đang trực tiếp quản lý, sử dụng bà B yêu cầu chia thừa kế cho Trịnh Th B, Nguyễn Th T, Nguyễn Văn L, Nguyễn Th M, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Th Th theo quy định của pháp luật.

Riêng phần diện tích đất 25.520 m^2 đã được Ủy ban nhân dân Th xã Cà Mau cấp Giấy chứng nhận cho ông Nguyễn Văn L vào ngày 23/01/1998 bà B không có yêu cầu chia trong vụ án này.

Anh Nguyễn Văn Thtrình bày: Cha mẹ anh là Nguyễn Văn L và Phạm Ngọc Thchung sống với nhau năm 1970, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống ông L và bà Th có 02 người con chung là Nguyễn Văn Thvà Nguyễn Th Th. Vào khoảng năm 1972, ông Nguyễn Văn Ch là ông nội của anh, cho cha mẹ anh phần đất có diện tích 25.520 m^2 đã được Ủy ban nhân dân Th xã Cà Mau cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn L vào ngày 23/01/1998. Bà Phạm Ngọc Thmất năm 1978 không để lại di chúc. Sau khi bà Th mất, anh và Nguyễn Th Th sống chung với ông nội là Nguyễn Văn Ch (đã chết). Ông Ch có cho anh và Nguyễn Th Th 02 phần đất, mỗi phần là 05 công tầm lớn, tổng cộng 10 công tầm lớn, đất tọa lạc tại khóm 5, phường T, thành phố C. Trong đó có 05 công tầm lớn, diện tích thực tế là 8.419 m^2, Thộc phần đất có diện tích 16.383,7 m^2 chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang tranh chấp và 05 công nằm trong phần đất 25.520m^2 do ông L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng do anh còn nhỏ nên hai bác là ông Nguyễn Văn D , Nguyễn Văn H trực tiếp quản lý. Đến năm 1993, ông Nguyễn Văn D và ông Nguyễn Văn H giao toàn bộ 10 công đất này lại cho anh và Nguyễn Th Th trực tiếp quản lý, sử dụng đến nay. Năm 2012 anh có cho bà Nguyễn Th Ấm Thê 05 công đất để canh tác, nhưng nay đã hết hạn Thê, anh đã nhận đất lại trực tiếp quản lý, sử dụng. Quá trình canh tác anh và Nguyễn Th Th là người trực tiếp thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước. Nay bà B yêu cầu chia phần diện tích đất 8.419 m^2 là của bà B đang quản lý nên anh Th yêu cầu chia phần đất diện tích 8.419 m^2 do anh Th đang quản lý hiện

nay cho anh Th, anh Th không đồng ý yêu cầu chia thừa kế của bà B về việc chia thừa kế 8.419 m^2 do anh Th đang quản lý cho Trịnh Th B, Nguyễn Th T, Nguyễn Văn L, Nguyễn Th M, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Th Th. Vì diện tích đất này không phải do ông L và bà B khai phá mà do ông Nguyễn Văn Ch cho anh và Nguyễn Th Th để thờ cúng mẹ.

Đối với phần đất 25.520 m^2 đã được Ủy ban nhân dân Th xã Cà Mau cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Nguyễn Văn L vào ngày 23/01/1998 anh Th không có yêu cầu chia thừa kế trong vụ án này.

Chị Nguyễn Th Th trình bày: Chị thống nhất với toàn bộ lời trình bày của anh Nguyễn Văn Thvà không có bổ sung gì thêm.

Chị Nguyễn Th Ttrình bày: Chị thống nhất theo lời trình bày của bà Trịnh Th B, phần đất có diện tích 8.419 m^2 là của cha mẹ chị là Nguyễn Văn L và Trịnh Th B. Chị yêu cầu được nhận thừa kế theo quy định của pháp luật.

Đối với phần đất 25.520 m^2 đất đã được Ủy ban nhân dân Th xã Cà Mau cấp cho ông Nguyễn Văn L vào ngày 23/01/1998 chị không có yêu cầu chia trong vụ án này.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 30/2017/DS-ST ngày 13/4/2017 của Tòa án nhân dân thành phố C quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu của bà Trịnh Th B yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với phần diện tích đất 8.419 m^2, tọa lạc tại khóm 5, phường T, thành phố C.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 24/4/2017 nguyên đơn là bà Trịnh Th B có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà B vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử là đúng pháp luật tố tụng dân sự và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của bà Trịnh Th B được thực hiện trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét về nội dung vụ án, bà Trịnh Th B khởi kiện yêu cầu chia thừa kế phần đất do chồng bà là ông Nguyễn Văn L qua đời để lại với tổng diện tích đất 16.838,7m^2 toạ lạc tại Khóm 5, phường T, thành phố C. Phần đất này ông L chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong thời gian ông L còn sống, bà B và ông L quản lý và sử dụng diện tích 8.419m^2, phần còn lại 8.419m^2 do anh Th trực tiếp quản lý. Sau khi ông L qua đời thì bà B kê khai để đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng phía anh Nguyễn Văn Thngăn cản không đồng ý cho bà B đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ đó bà B khởi

kiện yêu cầu Toà án giải quyết chia thừa kế cho bà B diện tích đất là 8.419m^2 hiện nay do bà B đang quản lý. Phần diện tích đất 8.419m^2 do anh Th đang quản lý bà B yêu cầu chia cho những người Thộc hàng thừa kế thứ nhất của ông L gồm Trịnh Th B, Nguyễn Th T, Nguyễn Văn L, Nguyễn Th M, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Th Th theo quy định của pháp luật.

Phía anh Th và chị Th thì đồng ý chia cho bà B 8.419m^2 bà B đang quản lý nhưng phải chia phần đất 8.419m^2 do anh Th đang quản lý hiện nay cho anh Th và chị Th.

Tại phiên toà phúc thẩm, bà B tranh luận cho rằng phần đất bà B đang quản lý sử dụng có diện tích đất là 8.419m^2 nhưng bà B không thể đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được là do anh Nguyễn Văn Thyêu cầu chia phần đất 8.419m^2 hiện nay anh Th đang quản lý và sử dụng cho anh Th, thì anh Th mới đồng ý ký tên cho bà B đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy, nên bà B mới yêu cầu Toà án chia thừa kế cho bà B 8.419m^2 , riêng phần đất 8.419m^2 anh Th đang quản lý thì bà B yêu cầu chia cho Trịnh Th B, Nguyễn Th T, Nguyễn Văn L, Nguyễn Th M, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Th Th nhưng cấp sơ thẩm chỉ giải quyết không chấp nhận yêu cầu của bà B đối với việc yêu cầu chia thừa kế 8.419m^2 cho Trịnh Th B, Nguyễn Th T, Nguyễn Văn L, Nguyễn Th M, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Th Th mà không giải quyết đối với yêu cầu của bà B về việc yêu cầu chia thừa kế 8.419m^2 là phần đất bà B đang quản lý hiện nay cho bà B . Do đó, bà B yêu cầu huỷ án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án.

Tại biên bản làm việc ngày 05 tháng 7 năm 2017 của Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau, phía anh Nguyễn Văn Thđồng ý chia diện tích đất 8.419m^2 cho Trịnh Th B nhưng với điều kiện phải chia cho anh Th phần đất 8.419m^2 do anh đang quản lý. Như vậy, xác định phần đất bà B đang quản lý hiện nay vẫn đang tranh chấp với anh Th vì nếu bà B yêu cầu chia phần đất anh Th đang quản lý với diện tích 8.419m^2 cho Trịnh Th B, Nguyễn Th T, Nguyễn Văn L, Nguyễn Th M, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Th Th thì anh Th không đồng ý chia cho bà B phần đất 8.419m^2 do bà B đang quản lý.

Xét thấy tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa bà B yêu cầu Toà án giải quyết hai yêu cầu: Yêu cầu thứ nhất bà B yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất cho bà B diện tích 8.419m^2 là phần đất do bà B đang quản lý hiện nay, yêu cầu thứ hai bà B yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất với diện tích 8.419m^2 hiện nay anh Th đang quản lý cho Trịnh Th B, Nguyễn Th T, Nguyễn Văn L, Nguyễn Th M, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Th Th.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà B không thay đổi yêu cầu và cũng không thoả Thận được với nhau nhưng cấp sơ thẩm chỉ giải quyết một yêu cầu của bà B là chưa giải quyết hết nội dung đơn khởi kiện của bà B là vi phạm Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên cần huỷ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

[3] Ngoài ra, cấp sơ thẩm giải quyết bác yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất của bà B nhưng buộc bà B phải nộp án phí có giá ngạch là không đúng quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc hội, do đó khi xét xử lại vụ án, cấp sơ thẩm cần xem xét lại phần án phí.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên toà là chưa phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Do hủy án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu kháng cáo của bà Trịnh Th B.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trịnh Th B.

Huỷ bản án dân sự sơ thẩm số 30/2017/DS-ST ngày 13/4/2017 của Tòa án nhân dân thành phố C.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân thành phố Cà Mau giải quyết lại theo thủ tục chung.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trịnh Th B không phải chịu, đã qua bà B có dự nộp 300.000 theo biên lai số 0003007 ngày 24/4/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được nhận lại.

Án phí dân sự sơ thẩm được giữ lại để tiếp tục giải quyết vụ án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố C;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Th Phương Loan